

Chúng tôi xin giới thiệu hướng dẫn giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 5: Being part of Asean được biên soạn bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chia sẻ với nội dung dịch rõ ràng và chính xác. Hỗ trợ các em tiếp thu bài mới và trau dồi vốn từ vựng hiệu quả.

### Unit 5: Pronunciation (trang 34)

**1. (trang 34 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Practise saying the following sentences. Mark the intonation: rising or falling. (Thực hành đọc những câu sau đây. Đánh dấu ngữ điệu: tăng lên hoặc giảm xuống.)

**Đáp án:**

Rising intonation: 1,4

Falling intonation: 2, 3, 5

**2. (trang 34 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Practise reading aloud the following sentences, using suitable intonation. (Thực hành đọc to các câu sau, sử dụng ngữ điệu phù hợp.)

**Đáp án:**

1. Most of the mineral resources of Viet Nam are in the north.
2. Is the majority of the Vietnamese population engaged in agricultural work?
3. The Mekong and the Red River Deltas are big rice-growing areas.
4. Is the culture of Viet Nam one of the oldest in the region?
5. Dragons and turtles are important symbols in Vietnamese culture.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Phần lớn tài nguyên khoáng sản của Việt Nam nằm ở phía bắc.
2. Có phải phần lớn dân số Việt Nam tham gia vào công việc nông nghiệp?
3. Đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng là những khu vực lớn trồng lúa.
4. Văn hóa Việt Nam có phải là một trong những nền văn hóa lâu đời nhất trong khu vực?
5. Rồng và rùa là những biểu tượng quan trọng trong văn hóa Việt Nam.

## Unit 5: Vocabulary &amp; Grammar (trang 35)

**1. (trang 35 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Look for the names of five more ASEAN countries in the word puzzle. Write them down in the spaces below. (Hãy tìm tên của năm nước ASEAN khác trong trò chơi ô chữ. Viết chúng vào trong các chỗ trống dưới đây.)

**Đáp án:**

1. Laos
2. Phillipines
3. Myanmar
4. Brunei
5. Singapore
6. Indonesia

**2. (trang 35 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Complete the sentences with the words in the box. (Hoàn thành các câu với các từ trong khung.)

**Đáp án:**

1. motto
2. association
3. constitution
4. identity
5. stability
6. cooperation

**Hướng dẫn dịch:**

1. Phương châm của Việt Nam là "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc".
2. Là một hiệp hội khu vực trong nhiều năm, ASEAN hiện đang phấn đấu cho sự hội nhập lớn hơn.
3. Các nước thành viên ASEAN khẳng định đã quyết định khởi động điều lệ của mình khi họ công nhận sự cần thiết của hiến pháp.
4. Hiến chương ASEAN giúp xác định danh tính của khối trong khu vực.
5. Các thành viên ASEAN hướng đến mục đích xây dựng một cộng đồng thân thiện và thống nhất thúc đẩy sự ổn định, hòa bình và phát triển.
6. Có các biện pháp tăng cường hợp tác kinh tế giữa các nước thành viên ASEAN.

**3. (trang 36 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Match 1 -6 with a-f to make meaningful sentences. (Nối 1-6 với a-f để tạo các câu có ý nghĩa.)

**Đáp án:**

1. f
2. d
3. b

4. e 5. c 6. a

**4. (trang 37 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Use the present simple or continuous form of the verbs in brackets to complete the sentences. (Sử dụng thì hiện tại đơn hoặc hiện tại tiếp diễn của các động từ trong ngoặc đơn để hoàn thành các câu.)

**Đáp án:**

1. are having
2. want
3. love
4. wish
5. is smelling
6. are thinking

**Hướng dẫn dịch:**

1. Chúng tôi đang có một thời gian tuyệt vời tại buổi hòa nhạc để chào đón đoàn đại biểu các quan chức ASEAN.
2. Các bạn cùng lớp của tôi muốn tham gia cuộc thi về ASEAN tổ chức tại trường.
3. Tôi thích nhảy Lamvong, điệu nhảy dân gian của Lào.
4. Các nước ASEAN mong muốn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa.
5. Nhìn kia! Lan đang ngửi những bông hoa mà bạn trai cô gửi đến từ Đà Lạt.
6. Chúng tôi đang nghĩ đến việc chi tiêu cho kỳ nghỉ ở Kuala Lumpur, Malaysia.

**5. (trang 37 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Underline the wrong verb tense or form and correct the mistake. (Gạch chân thì động từ hoặc dạng động từ bị sai và sửa lỗi.)

**Đáp án:**

1. is tasting => tastes
2. see => are seeing
3. is thinking => thinks
4. looks => is looking
5. have => am having
6. win => winning

## Unit 5: Reading (trang 37)

**1. (trang 37 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Read the following text about the ASEAN Para Games. Match each paragraph with its heading. (Đọc văn bản dưới đây về Para Games của ASEAN. Nối từng đoạn văn với tiêu đề của nó.)

**Đáp án:**

A. 3 B. 4 C. 2 D. 1 E. 5

**Hướng dẫn dịch:**

ASEAN và các hoạt động

Được thành lập vào ngày 8 tháng 8 năm 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ban đầu là một nhóm bao gồm 5 quốc gia. Ngày nay, ASEAN là một khối thống nhất các quốc gia, thúc đẩy nhiều sự kiện văn hóa và thể thao bên cạnh sự hợp tác chính trị và kinh tế. Thế vận hội ASEAN Para dành cho vận động viên khuyết tật là một ví dụ điển hình.

Mục tiêu của thế vận hội ASEAN cho người khuyết tật

ASEAN Para Games hướng đến mục đích thúc đẩy thể thao cho người khuyết tật trong khu vực và nâng cao nhận thức của cộng đồng về các môn thể thao cho người khuyết tật. Các sự kiện thể thao cho người khuyết tật trong khu vực tạo cơ hội xây dựng tình hữu nghị và hợp tác giữa những người khuyết tật ở các nước thành viên ASEAN.

Lịch sử của thế vận hội ASEAN cho người khuyết tật

Thế vận hội ASEAN cho người khuyết tật được tổ chức hai năm một lần sau Thế vận hội Đông Nam Á (SEA Games) trong một quốc gia thành viên ASEAN. Thế vận hội ASEAN cho người khuyết tật đầu tiên diễn ra vào năm 2001 tại Kuala Lumpur, Malaysia. Đây là sự kiện thể thao lớn đầu tiên của Liên đoàn Thể thao ASEAN Para (APSF). Thế vận hội ASEAN cho người khuyết tật lần thứ hai được tổ chức vào năm 2003 tại Việt Nam. Thế vận hội ASEAN cho người khuyết tật lần thứ ba, thứ tư, thứ năm và thứ sáu được tổ chức lần lượt tại Philippines, Thái Lan, Malaysia và Indonesia.

Thế vận hội ASEAN cho người khuyết tật lần thứ 7

Các vận động viên khuyết tật đến từ mười thành viên ASEAN và Đông Timor đã tham dự Đại hội Thể thao ASEAN lần thứ 7 năm 2014 tại Myanmar. Họ tranh tài trong 12 môn thể thao: bắn cung, điền kinh, boccia, cờ vua, bóng đá 5 người/đội, bóng đá 7 người/đội, goalball, cử tạ, bơi lội, bóng bàn, bóng chuyền ngồi và bóng rổ trên xe lăn. Indonesia đã về nhất và Thái Lan, nước đã thống trị các thế vận hội trong hơn một thập kỷ, đã tụt xuống vị trí thứ hai. Malaysia đứng vị trí thứ ba và Việt Nam giữ vị trí thứ tư.

Đội tuyển Việt Nam tại Thế vận hội ASEAN lần thứ 7

Đã có khoảng 120 vận động viên Việt Nam tại Thế vận hội ASEAN cho người khuyết tật năm 2014. Họ đã tham gia vào sáu môn thể thao. Mặc dù phái đoàn Việt Nam không nằm trong top 3, ASEAN Para Games lần thứ 7 có thể được coi là một sự kiện thành công cho Việt Nam. Các vận động viên khuyết tật Việt Nam đã cố gắng rất nhiều và thiết lập một số kỷ lục Para Games của ASEAN, châu Á và thế giới.

**2. (trang 38 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Find the words or expressions in the text that have the following meanings. Write each word or expression next to its meaning. (Tìm các từ hoặc các diễn đạt trong văn bản có các ý nghĩa sau. Viết mỗi từ hoặc diễn đạt bên cạnh ý nghĩa của nó.)

**Đáp án:**

1. promote 2. dominate 3. retain 4. attend 5. delegation

**Hướng dẫn dịch:**

1. hỗ trợ hoặc khuyến khích tích cực
2. kiểm soát hoặc ảnh hưởng lên một ai đó hoặc một cái gì đó
3. duy trì hoặc tiếp tục có một cái gì đó
4. đi đến một sự kiện như cuộc họp hoặc cuộc thi thể thao
5. một nhóm người đại diện cho một quốc gia, công ty hoặc tổ chức

**3. (trang 38 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Read the text again and answer the questions. (Đọc văn bản lại lần nữa và trả lời các câu hỏi.)

**Đáp án:**

1. It was originally a group of five countries.
2. It is a united bloc of ten countries, which promotes many cultural and sports events besides politic and economic cooperation.
3. It aims at promoting sports for people with disabilities in the region and increasing public awarene of disabled sports.
4. The Games is held about every two years after the Southeast Asian Games (SEA Games) in an ASE/ member country.
5. The Games took place in 2001 in Kuala Lumpur, Malaysia.
6. Because the athletes with disabilities tried hard and set several ASEAN, Asian and world Para Gam records.

**Hướng dẫn dịch:**

1. Ban đầu nó là một nhóm của năm quốc gia.
2. Nó là một khối thống nhất của 10 quốc gia, nó thúc đẩy nhiều sự kiện văn hóa và thể thao bên cạnh sự hợp tác chính trị và kinh tế.
3. Nó hướng đến mục đích thúc đẩy thể thao cho người khuyết tật trong khu vực và tăng cường nhận thức chung về các môn thể thao cho người khuyết tật.
4. Thế vận hội được tổ chức hai năm một lần sau Thế vận hội Đông Nam Á (SEA Games) tại một nước thành viên ASEAN.
5. Thế vận hội đã diễn ra vào năm 2001 tại Kuala Lumpur, Malaysia.
6. Bởi vì các vận động viên khuyết tật đã cố gắng hết sức và thiết lập một số kỷ lục tại ASEAN, châu Á và thế giới.

**4. (trang 39 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Based on the information in the text, decide whether the following statements are true (T), false (F), or not given (NG). Tick the boxes. (Dựa trên thông tin trong văn bản, xác định xem các khẳng định sau đây là đúng (T), sai (F), hay không được cho sẵn (NG). Đánh dấu vào các ô.)

**Đáp án:**

1. T 2. NG 3. F  
4. F 5. F 6. T

**Hướng dẫn dịch:**

1. Các sự kiện thể thao cho người khuyết tật trong khu vực tạo cơ hội xây dựng tình hữu nghị và hợp tác giữa những người khuyết tật ở các nước thành viên ASEAN.
2. Tham gia các sự kiện thể thao, người khuyết tật cũng có cơ hội tìm được người bạn đời của họ.
3. APSF chịu trách nhiệm tổ chức các Trò chơi Trường học ASEAN.
4. ASEAN Para Games lần thứ hai diễn ra vào năm 2005 tại Việt Nam.
5. Các vận động viên khuyết tật đến từ 11 quốc gia thành viên ASEAN đã tham dự Thế vận hội lần thứ 7 năm 2014 tại Myanmar.

6. Bắn cung, điền kinh, boccia, cờ vua, bóng đá 5 người, bóng đá 7 người, goalball, cử tạ, bơi lội, bóng bàn, bóng chuyền ngồi và bóng rổ trên xe lăn là các môn thể thao tại Thế vận hội ASEAN Para Games 2014.

### Unit 5: Speaking (trang 40)

**1. (trang 40 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Complete the following medal table of the ASEAN Para Games, using the appropriate words or numbers. (Hoàn thành bảng tổng sắp huy chương của Thế vận hội ASEAN Para Games, sử dụng các từ hoặc số thích hợp.)

#### Đáp án:

1. f 2. d 3. b

4. e 5. a 6. c

#### Hướng dẫn dịch:

**2. (trang 40 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Work in pairs. Talk about two ASEAN Para Games, using the information in the medal table in 1. (Làm việc theo cặp. Nói về thế vận hội Para Games của ASEAN, sử dụng thông tin trong bảng huy chương ở bài 1.)

#### Đáp án:

Student A: When and where did the third ASEAN Para Games take place?

Student B: It took place in 2005 in Philippines.

Student A: Which country was first and which country was second?

Student B: Thailand finished first with 139 gold medals. Viet Nam was second with 80 gold medals.

#### Hướng dẫn dịch:

Học sinh A: Thế vận hội dành cho người khuyết tật của ASEAN lần thứ 3 được tổ chức khi nào, ở đâu?

Học sinh B: Nó diễn ra vào năm 2005 tại Philippines.

Học sinh A: Quốc gia nào là quốc gia về nhất và quốc gia nào đứng thứ hai?

Học sinh B: Thái Lan đã về nhất với 139 huy chương vàng. Việt Nam đứng thứ hai với 80 huy chương vàng.

## Unit 5: Writing (trang 41)

**1. (trang 41 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Develop the following ideas into a short introduction about studying in Thailand. Add words or make changes, if necessary. (Phát triển những ý tưởng sau đây thành một bài giới thiệu ngắn về việc học tập tại Thái Lan. Thêm các từ hoặc những sự thay đổi nếu cần thiết.)

**Đáp án:**

Thailand

Country and People

1. Known as the 'land of smiles', Thailand is an ideal tourist attraction with a pleasant tropical climate, beautiful beaches and picturesque mountains.
2. The country also attracts many foreign students with its very high-quality education, safety and a very low cost of living.
3. Foreign students are made to feel welcome by hospitable locals, many of whom speak English and encourage foreigners to speak Thai.

Education

4. There were more than 20,000 foreign students in Thai higher education institutions in 2011.
5. Most of the foreign students are from Asia, with China, Myanmar and Laos being the top three countries sending students to Thailand.
6. International students often travel to Thailand to study ecology, environment, agriculture and economic development.

**Hướng dẫn dịch:**

Thái Lan

Đất nước và con người

1. Được biết đến như là "vùng đất của những nụ cười", Thái Lan là một địa điểm du lịch lý tưởng với những bãi biển nhiệt đới dễ chịu và những ngọn núi đẹp như tranh vẽ.
2. Đất nước cũng thu hút nhiều sinh viên nước ngoài với nền giáo dục chất lượng cao, an ninh đảm bảo và chi phí sinh hoạt thấp.
3. Sinh viên nước ngoài được tạo cảm giác được chào đón bởi người dân địa phương hiếu khách, nhiều người trong số họ nói tiếng Anh khuyến khích người nước ngoài nói tiếng Thái.



Giáo dục

4. Có hơn 20.000 sinh viên nước ngoài tại các trường đại học ở Thái Lan vào năm 2011.
5. Hầu hết các sinh viên nước ngoài đến từ châu Á, với Trung Quốc, Myanmar và Lào là ba nước hàng đầu gửi sinh viên đến Thái Lan.
6. Sinh viên quốc tế thường đến Thái Lan để nghiên cứu về sinh thái, môi trường, nông nghiệp và phát triển kinh tế.

**2. (trang 42 SBT Tiếng Anh 11 mới)** Write a short introduction about studying in Malaysia, using the information below. (Viết một bài giới thiệu ngắn về việc học tập tại Malaysia, sử dụng thông tin dưới đây.)

**Đáp án:**

Malaysia

Country and People

- Ranked the 10th most-visited country in the world, Malaysia is famous worldwide for its natural beauty.
- The friendliness of the people, and diversity of cultures and languages attract a lot of tourists from around the world.
- Foreign students often say that they feel comfortable, peaceful and safe to live and study in Malaysia.

Education

- In 2011, Malaysia had more than 90,000 international students. The country aims to attract at least 200.0 international students in the coming years.
- Malaysia is ranked 11th in terms of international students and the top five countries sending students to Malaysia are Iran, Indonesia, China, Nigeria and Yemen.
- Malaysia is ranked 11th in terms of international students. The top five countries sending students to Malaysia are Iran, Indonesia, China, Nigeria and Yemen.
- International students can benefit from the Malaysian excellent education system and get qualifications from the country's famous universities.

**Hướng dẫn dịch:**

Malaysia

### Đất nước và con người

- Được xếp hạng thứ 10 là quốc gia được thăm nhiều nhất trên thế giới, Malaysia nổi tiếng trên toàn thế giới vì vẻ đẹp tự nhiên của nó.
- Sự thân thiện của người dân, và sự đa dạng của văn hóa và ngôn ngữ thu hút rất nhiều khách du lịch từ khắp nơi trên thế giới.
- Sinh viên nước ngoài thường nói rằng họ cảm thấy thoải mái, yên tâm và an toàn khi sống và học tập tại Malaysia.

### Giáo dục

- Năm 2011, Malaysia có hơn 90.000 sinh viên quốc tế. Đất nước này hướng tới thu hút ít nhất 200.000 sinh viên quốc tế trong những năm tới.
- Malaysia xếp hạng 11 về sinh viên quốc tế. Năm quốc gia hàng đầu gửi sinh viên đến Malaysia là Iran, Indonesia, Trung Quốc, Nigeria và Yemen.
- Sinh viên quốc tế có thể được hưởng lợi từ hệ thống giáo dục xuất sắc của Malaysia và có được bằng cấp từ các trường đại học nổi tiếng của đất nước.

►► **CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải về giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 11 Unit 5: Being part of Asean đầy đủ nhất (Có đáp án) file Word, pdf hoàn toàn miễn phí!